

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ HOÀNG GIA

(Thành lập tại nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2015



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	9 - 35

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ HOÀNG GIA

Phường Bãi Cháy, TP. Hạ Long

Tỉnh Quảng Ninh, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Quốc tế Hoàng Gia (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Đỗ Trí Vỹ	Chủ tịch
Ông Phạm Ngọc Nam	Ủy viên
Bà Nguyễn Linh Chi	Ủy viên
Ông Nguyễn Khởi Phát	Ủy viên
Bà Nguyễn Tiểu Mai	Ủy viên
Bà Đào Ngọc Hoa	Ủy viên
Bà Ngô Nguyệt Hoa	Ủy viên

Ban Giám đốc

Ông Đỗ Trí Vỹ	Tổng Giám đốc
Ông Phạm Ngọc Nam	Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Linh Chi	Kế toán trưởng

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Ngày 28 tháng 3 năm 2016

Số: 584 /VNIA-HN-BC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Quốc tế Hoàng Gia

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Quốc tế Hoàng Gia (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 28 tháng 3 năm 2016, từ trang 05 đến trang 35, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh số 8, 10, 11, 12, 13, 15 và 26 phần Thuyết minh báo cáo tài chính. Công ty đã ghi giảm toàn bộ giá trị còn lại tài sản khu Công viên Hoàng Gia bàn giao cho UBND tỉnh Quảng Ninh theo Thông báo số 52/TB-UBND ngày 19 tháng 3 năm 2015 của UBND tỉnh Quảng Ninh thống nhất nguyên tắc và phương pháp tính giá trị đền bù. Đến ngày 31 tháng 12 năm 2015, tổng số tiền UBND tỉnh Quảng Ninh đồng ý đền bù theo các Quyết định đền bù là 311,33 tỷ VND (tương đương 13,98 triệu USD); Công ty đã nhận được số tiền đền bù là 139,21 tỷ VND (tương đương 6,33 triệu USD), trong đó chi phí đền bù cho bên thứ ba mà Công ty nhận hộ trong năm là 19,69 tỷ VND (tương đương 890,85 nghìn USD). Tại thời điểm lập báo cáo tài chính này, Công ty vẫn đang làm việc với UBND tỉnh Quảng Ninh về giá trị đền bù cho những tài sản còn lại của khu Công viên Hoàng Gia. Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.



Vũ Đức Nguyễn

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0764-2013-001-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 28 tháng 3 năm 2016

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Trần Xuân Ánh

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0723-2013-001-1



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU SỐ B 01-DN
 Đơn vị: USD

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	31/12/2014
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		13.787.700	2.684.546
I. Tiền	110	5	1.745.303	1.180.218
1. Tiền	111		1.745.303	1.180.218
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		11.449.690	690.312
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	3.745.742	437.942
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		540.397	246.564
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	7.673.103	9.951
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(509.552)	(4.145)
III. Hàng tồn kho	140	9	580.139	802.965
1. Hàng tồn kho	141		614.925	835.013
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(34.786)	(32.048)
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		12.568	11.051
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		12.568	11.051
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		46.329.725	54.482.115
I. Tài sản cố định	220		43.444.145	49.519.351
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	42.186.785	47.921.965
- Nguyên giá	222		52.433.411	58.571.727
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(10.246.626)	(10.649.762)
2. Tài sản cố định vô hình	227	11	1.257.360	1.597.386
- Nguyên giá	228		4.467.750	4.723.482
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(3.210.390)	(3.126.096)
II. Bất động sản đầu tư	230	12	-	1.824.273
- Nguyên giá	231		-	2.244.878
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	(420.605)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		1.583.626	1.163.591
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	13	1.583.626	1.163.591
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250		419.411	419.411
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	6	419.411	419.411
V. Tài sản dài hạn khác	260		882.543	1.555.489
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		442.234	1.227.461
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	14	130.136	32.416
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		310.173	295.612
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		60.117.425	57.166.661

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 35 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU SỐ B 01-DN

Đơn vị: USD

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	31/12/2014
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		12.972.660	14.687.280
I. Nợ ngắn hạn	310		7.227.498	10.687.938
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	19	927.486	1.370.909
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		16.802	9.281
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	16	846.474	1.432.638
4. Phải trả người lao động	314		606.039	477.896
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		19.688	24.284
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	15	858.294	2.913.737
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	17	3.952.715	4.459.193
II. Nợ dài hạn	330		5.745.162	3.999.342
1. Phải trả dài hạn khác	337	15	2.648.698	5.560
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	18	2.955.333	3.850.579
3. Dự phòng phải trả dài hạn	342		141.131	143.203
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		47.144.765	42.479.381
I. Vốn chủ sở hữu	410	20	47.144.765	42.479.381
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		42.309.870	42.309.870
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		42.309.870	42.309.870
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		5.027.169	5.027.169
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		649.326	649.326
4. (Lỗ) lũy kế	421		(841.600)	(5.506.984)
- (Lỗ)/Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		(5.508.484)	1.694.956
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối/(Lỗ) năm nay	421b		4.666.884	(7.201.940)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440= 300+400)	440		60.117.425	57.166.661



Cao Thị Huyền
Người lập biểu

Ngày 28 tháng 3 năm 2016



Nguyễn Linh Chi
Kế toán trưởng



Đỗ Trí Vỹ
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU SỐ B 02-DN

Đơn vị: USD

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2015	2014
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		12.278.262	10.968.283
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		27.871	24.956
<i>Chiết khấu bán hàng</i>	05		27.871	24.956
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	21	12.250.391	10.943.327
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	21	9.535.362	8.828.949
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20	21	2.715.029	2.114.378
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	23	624.131	246.372
7. Chi phí tài chính	22	24	885.376	1.173.313
<i>- Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		774.471	1.144.793
8. Chi phí bán hàng	25	25	1.326.973	1.194.951
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	25	2.945.670	6.658.887
10. (Lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20+(21-22)-(25+26))	30		(1.818.859)	(6.666.401)
11. Thu nhập khác	31	26	6.748.029	96.323
12. Chi phí khác	32	27	350.805	592.662
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		6.397.224	(496.339)
14. Tổng lợi nhuận/(lỗ) kế toán trước thuế (50=30+40)	50		4.578.365	(7.162.740)
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	28	9.201	-
16. (Thu nhập)/Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	28	(97.720)	39.200
17. Lợi nhuận/(Lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		4.666.884	(7.201.940)
18. Lãi/(lỗ) cơ bản trên cổ phiếu	70	29	0,066	(0,102)


Cao Thị Huyền
Người lập biểu


Nguyễn Linh Chi
Kế toán trưởng


Đỗ Trí Vỹ
Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 3 năm 2016

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU SỐ B 03-DN

Đơn vị: USD

CHỈ TIÊU	Mã số	2015	2014
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận/(lỗ) trước thuế	01	4.578.365	(7.162.740)
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	2.625.901	2.659.703
Các khoản dự phòng	03	506.073	(128.825)
(Lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(289.043)	(160.387)
Lỗ từ thanh lý tài sản cố định	05	46.886	182.808
Chi phí lãi vay	06	774.471	1.144.793
3. Lợi nhuận/(lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	8.242.653	(3.464.648)
Thay đổi các khoản phải thu	09	(10.700.260)	2.523.830
Thay đổi hàng tồn kho	10	205.527	(145.156)
Thay đổi các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	1.291.255	2.600.091
Thay đổi chi phí trả trước	12	781.789	3.907.451
Tiền lãi vay đã trả	14	(778.536)	(1.154.249)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(9.254)	(31.786)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	-	(791)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(966.826)	4.234.742
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(2.838.046)	(2.243.613)
2. Tiền thu từ bồi thường, thanh lý TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	5.446.852	177.203
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	2.608.806	(2.066.410)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	7.976.860	7.337.444
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(9.027.999)	(8.523.916)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(1.051.139)	(1.186.472)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	590.841	981.860
Tiền đầu năm	60	1.180.218	205.079
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(25.756)	(6.721)
Tiền cuối năm (70=50+60+61)	70	1.745.303	1.180.218



Cao Thị Huyền
Người lập biểu

Ngày 28 tháng 3 năm 2016



Nguyễn Linh Chi
Kế toán trưởng



Đỗ Trí Vỹ
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 35 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MÃU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Quốc tế Hoàng Gia (gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần được chuyển đổi hình thức hoạt động từ công ty liên doanh nước ngoài theo Nghị định số 38/2003/NĐ-CP của Chính phủ ngày 15 tháng 4 năm 2003 về việc chuyển đổi một số doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài sang hoạt động theo hình thức công ty cổ phần và Thông tư liên tịch số 08/TTLT-BKH-BTC của Bộ Kế hoạch - Đầu tư và Bộ Tài chính ngày 29 tháng 12 năm 2003 hướng dẫn thực hiện Nghị định số 38/2003/NĐ-CP. Ngày 15 tháng 6 năm 2005, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã cấp Giấy phép đầu tư số 953 CPH/GP cho phép Công ty Liên doanh TNHH Quốc tế Hoàng Gia chuyển thành Công ty Cổ phần Quốc tế Hoàng Gia với mệnh giá cổ phần, vốn điều lệ và tổng số lượng cổ phần như sau:

- Mệnh giá cổ phần: 01 Đô la Mỹ/cổ phần
- Vốn điều lệ: 21.000.000 Đô la Mỹ
- Tổng số lượng cổ phần: 21.000.000 cổ phần.

Ngày 14 tháng 3 năm 2006, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã cấp Giấy phép đầu tư sửa đổi số 953 CPH/GPĐC1 chấp thuận việc chuyển đổi đồng tiền ghi mệnh giá cổ phần của Công ty. Theo đó, mệnh giá cổ phần, vốn điều lệ và tổng số lượng cổ phần của Công ty là:

- Mệnh giá cổ phần: 10.000 VND/cổ phần
- Vốn điều lệ: 332.136.000.000 VND
- Tổng số lượng cổ phần: 33.213.600 cổ phần.

Công ty đã thực hiện các lần tăng vốn điều lệ và vốn đầu tư qua các năm. Theo Giấy chứng nhận đầu tư sửa đổi gần nhất số 221.032.000.118 do Ủy ban Nhân dân tỉnh Quảng Ninh cấp ngày 12 tháng 9 năm 2014, vốn đầu tư của Công ty là 67.000.000 USD tương đương 1.171.473.560.000 VND và vốn điều lệ là 42.309.869,89 USD tương đương 703.687.540.000 VND.

Chủ sở hữu (Công ty mẹ) của Công ty là Công ty TNHH Đầu tư Quốc tế Khải Tiệp (thành lập tại George Town, Đảo Grand Cayman, Quần đảo Cayman).

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 1.560 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 1.619 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Công ty hoạt động trong ngành kinh doanh khách sạn và duy trì một khu biệt lập trong khuôn viên dự án để kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng và casino.

Hoạt động chính của Công ty là xây dựng và kinh doanh một khu khách sạn đạt tiêu chuẩn năm sao, kinh doanh trò chơi có thưởng dành riêng cho người nước ngoài cùng các hoạt động vui chơi giải trí tại phường Bãi Cháy, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh. Ngoài ra, Công ty được phép làm Đại lý đối ngoại tệ theo Giấy chứng nhận số 1060/NHNN-QNN1 do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam - Chi nhánh Quảng Ninh cấp ngày 28 tháng 11 năm 2008.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Các sự kiện quan trọng đã xảy ra trong năm hoạt động

Ngày 27 tháng 6 năm 2015, Đại hội Cổ đông Công ty đã nhất trí thông qua việc Bàn giao Công viên Hoàng Gia cho UBND tỉnh Quảng Ninh và giao cho Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty tiếp tục làm việc với cơ quan Nhà nước, UBND tỉnh Quảng Ninh để có phương án đền bù thỏa đáng và tối ưu cho Công ty. Chi tiết được trình bày tại Thuyết minh số 8.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (Tiếp theo)

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 3, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015, Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 200”), hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Theo đó, một số số liệu của Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và Báo cáo kết quả hoạt động kinh cho năm tài chính kết thúc cùng ngày đã được phân loại lại theo hướng dẫn của Thông tư 200 trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính để phù hợp với việc so sánh với số liệu của năm nay (Xem tại Thuyết minh số 35).

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đô la Mỹ (USD), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Việc trình bày báo cáo tài chính bằng Đô la Mỹ đã được đăng ký và được Bộ Tài chính trả lời tại Công văn số 7554/BTC-CĐKT ngày 12 tháng 6 năm 2013. Theo đó, Ban Giám đốc Công ty đã đánh giá quy định về lựa chọn đơn vị tiền tệ trong kế toán tại Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 và xác định rằng việc trình bày báo cáo tài chính của Công ty bằng Đô la Mỹ là phù hợp với quy định hiện hành cũng như cần thiết để phản ánh bản chất kinh tế của các nghiệp vụ liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Hướng dẫn mới về chế độ kế toán doanh nghiệp

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Ban Giám đốc Công ty đã áp dụng Thông tư 200 trong việc lập và trình bày báo cáo tài cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ HOÀNG GIA

Phường Bãi Cháy, TP. Hạ Long
Tỉnh Quảng Ninh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**Công cụ tài chính****Ghi nhận ban đầu**

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả và các khoản vay và nợ thuê tài chính.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và các khoản tiền gửi không kỳ hạn.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Riêng đối với các khoản phải thu từ hoạt động kinh doanh trò chơi có thưởng của Câu lạc bộ Quốc tế Hoàng Gia, dự phòng phải thu khó đòi được trích lập dựa trên số dư trừ phần đặt cọc và tính theo tuổi nợ như sau:

Thời gian nợ (tháng)	Tỷ lệ dự phòng (%)
0 - 1	3
1 - 2	6,25
2 - 3	12,50
3 - 4	25
4 - 5	50
5 - 6	75
Trên 6 tháng	100

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Chính sách tín dụng đối với hoạt động của Câu lạc bộ Quốc tế Hoàng Gia**

Ngày 01 tháng 01 năm 2010, Hội đồng Quản trị Công ty đã ban hành chính sách tín dụng sửa đổi đối với hoạt động của Câu lạc bộ Quốc tế Hoàng Gia. Theo đó, tổng hạn mức tín dụng cho khách chơi không vượt quá 9 triệu USD. Các khoản nợ từ 1,5 triệu USD trở lên phải có tài sản đảm bảo ít nhất là 50% giá trị khoản nợ, thời hạn cho nợ tối đa là 1 năm đối với các khoản nợ có tài sản đảm bảo và tối đa là 6 tháng đối với các khoản nợ không có tài sản đảm bảo. Khách hàng được cho nợ dưới dạng chip để chơi tại Câu lạc bộ Quốc tế Hoàng Gia và được hoàn trả bằng chip hoặc bằng tiền.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm giá mua và các chi phí khác có liên quan để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định như sau:

Loại hàng tồn kho

Hàng ăn
Hàng giải khát
Hàng lưu niệm, mỹ nghệ
Vật tư khác

Phương pháp tính giá

Nhập trước - Xuất trước
Bình quân gia quyền
Giá đích danh
Nhập trước - Xuất trước

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	2015
	(Số năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	35
Máy móc, thiết bị	10
Thiết bị văn phòng	5 - 10
Phương tiện vận tải	8
Tài sản cố định khác	5

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất và phần mềm máy tính được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Quyền sử dụng đất thể hiện giá trị quyền sử dụng 8,6 ha đất tại phường Bãi Cháy - TP. Hạ Long trong thời gian của Giấy phép đầu tư là 26 năm và 7 tháng bắt đầu từ ngày 13 tháng 8 năm 1994. Quyền sử dụng đất được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất.

Phần mềm máy tính được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 5 - 10 năm kể từ ngày bắt đầu sử dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất và nhà xưởng, vật kiến trúc do Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác. Nguyên giá bất động sản đầu tư tự xây là giá trị quyết toán công trình hoặc các chi phí liên quan trực tiếp của bất động sản đầu tư.

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn của Công ty bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ đã xuất dùng trong nhiều kỳ kinh doanh. Các chi phí này được ghi nhận là chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2-3 năm theo các quy định hiện hành.

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu từ hoạt động trò chơi có thưởng

Doanh thu đối với hoạt động của Câu lạc bộ Quốc tế Hoàng Gia được xác định theo ngày đối với hoạt động chơi bài tại bàn chơi và mười ngày một lần đối với hoạt động kinh doanh bằng máy nạp xèng, cụ thể:

- Doanh thu hoạt động chơi bài tại bàn chơi được ghi nhận trên cơ sở số chênh lệch giữa số chip cuối ca trừ số chip đầu ca tại từng bàn chơi cộng (+) số chip chuyển từ bàn chơi vào quầy trừ (-) số chip chuyển từ quầy ra bàn chơi. Kết quả này không phụ thuộc vào việc đã thu được tiền hay chưa.
- Doanh thu hoạt động kinh doanh bằng máy nạp xèng bằng số tiền thu được do đổi cho khách tại quầy thu ngân trước khi chơi trừ đi số tiền trả lại cho khách.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Ghi nhận doanh thu (Tiếp theo)

Doanh thu cung cấp dịch vụ (Tiếp theo)

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Trợ cấp thôi việc phải trả

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho người lao động đã làm việc tại Công ty được hơn 12 tháng cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 với mức trích cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 bằng một nửa mức lương bình quân tháng theo Luật Lao động, Luật Bảo hiểm xã hội và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hay giảm của khoản trích trước này sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hoá kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các khoản lỗ tính thuế sẽ được kiểm tra và phê duyệt bởi cơ quan thuế địa phương và có thể được kết chuyển sang để bù trừ với lợi nhuận tính thuế của Công ty nhưng không quá 5 năm tiếp theo kể từ năm phát sinh lỗ tính thuế. Công ty không có tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại nào được ghi nhận liên quan đến khoản lỗ tính thuế này do không chắc chắn về khả năng thực hiện trong tương lai.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN

	<u>31/12/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	USD	USD
Tiền mặt	1.625.387	1.109.829
Tiền gửi ngân hàng	119.916	70.389
	<u>1.745.303</u>	<u>1.180.218</u>

6. ĐẦU TƯ GÓP VỐN VÀO ĐƠN VỊ KHÁC

	<u>31/12/2015</u>			<u>31/12/2014</u>		
	USD			USD		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Hoàng Gia	419.411	-	419.411	419.411	-	419.411
	<u>419.411</u>	<u>-</u>	<u>419.411</u>	<u>419.411</u>	<u>-</u>	<u>419.411</u>

Giá trị vốn góp tương ứng với 2,25% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Hoàng Gia.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ HOÀNG GIA

Phường Bãi Cháy, TP. Hạ Long
Tỉnh Quảng Ninh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

7. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	<u>31/12/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	USD	USD
Đại lý Salon	2.085.693	-
<i>Đại lý Garage</i>	651.121	-
Đại lý Đại Dương Thành	563.303	138.163
Đại lý Long Bay	89.625	82.049
Đại lý Chúng Phát	26.146	106.337
Khách đoàn Long Bay	329.854	111.393
Các khoản phải thu khách hàng khác	3.745.742	437.942

8. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	<u>31/12/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	USD	USD
Phải thu người lao động	-	1.736
Phải thu tiền bồi thường (*)	7.646.350	-
Phải thu khác	26.753	8.215
	<u>7.673.103</u>	<u>9.951</u>

(*) Thể hiện giá trị phải thu từ đền bù của các tài sản trên đất và giá trị quyền sử dụng đất tại khu Công viên Hoàng Gia bàn giao cho UBND tỉnh Quảng Ninh theo Thông báo số 803/TB-UBND ngày 20 tháng 9 năm 2014 của UBND thành phố Hạ Long, Quyết định số 11/QĐ-UBND ngày 06 tháng 01 năm 2015 của UBND tỉnh Quảng Ninh và Thông báo số 52/TB-UBND ngày 19 tháng 3 năm 2015 của UBND tỉnh Quảng Ninh thống nhất nguyên tắc và phương pháp tính giá trị đền bù. Đến ngày 31 tháng 12 năm 2015, tổng số tiền UBND tỉnh Quảng Ninh đồng ý đền bù theo các Quyết định đền bù là 311,33 tỷ VND (tương đương 13,98 triệu USD); Công ty đã nhận được số tiền đền bù là 139,21 tỷ VND (tương đương 6,33 triệu USD), trong đó chi phí đền bù cho bên thứ 3 mà Công ty nhận hộ trong năm là 19,69 tỷ VND (tương đương 890,85 nghìn USD) (xem thêm tại Thuyết minh số 15). Tại thời điểm lập báo cáo tài chính này, Công ty vẫn đang làm việc với UBND tỉnh Quảng Ninh về giá trị đền bù cho những tài sản còn lại của khu Công viên Hoàng Gia.

Chi tiết phải thu tiền bồi thường tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 như sau:

Tổng tiền được đền bù 5 đợt	13.979.595
Số đã nhận đợt 1, 2, 4 và 5	(5.440.701)
Số phải trả hộ kinh doanh (xem thêm tại Thuyết minh số 15)	(890.845)
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	(1.699)
Số còn phải thu đợt 3 đã có quyết định nhưng chưa nhận được tiền	7.646.350

9. HÀNG TỒN KHO

	<u>31/12/2015</u>		<u>31/12/2014</u>	
	USD		USD	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	397.298	(2.738)	621.592	-
Hàng hóa	217.627	(32.048)	213.421	(32.048)
	<u>614.925</u>	<u>(34.786)</u>	<u>835.013</u>	<u>(32.048)</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ HOÀNG GIA

Phường Bãi Cháy, TP. Hạ Long
 Tỉnh Quảng Ninh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

10. TĂNG/GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tài sản cố định khác	Tổng
	USD	USD	USD	USD	USD	USD
NGUYÊN GIÁ						
Tại ngày 01/01/2015	43.746.696	11.500.793	968.875	627.819	1.727.544	58.571.727
Tăng do mua sắm	-	6.877	167.714	1.815	1.786	178.192
Tăng từ XDCB hoàn thành	287.179	77.414	-	-	-	364.593
Tăng khác	47.483	-	-	49.240	19.216	115.939
Ghi giảm do bàn giao (*)	5.897.441	54.158	-	2.592	289.587	6.243.778
Thanh lý trong năm	21.389	120.296	49.202	-	-	190.887
Giảm khác	362.375	-	-	-	-	362.375
Tại ngày 31/12/2015	37.800.153	11.410.630	1.087.387	676.282	1.458.959	52.433.411
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Tại ngày 01/01/2015	5.800.071	3.640.348	432.433	187.424	589.486	10.649.762
Khấu hao trong năm	879.311	1.018.255	98.918	111.972	270.325	2.378.781
Ghi giảm do bàn giao (*)	2.312.684	47.755	-	2.592	281.036	2.644.067
Thanh lý trong năm	7.335	92.590	37.925	-	-	137.850
Tại ngày 31/12/2015	4.359.363	4.518.258	493.426	296.804	578.775	10.246.626
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày 31/12/2015	33.440.790	6.892.372	593.961	379.478	880.184	42.186.785
Tại ngày 31/12/2014	37.946.625	7.860.445	536.442	440.395	1.138.058	47.921.965

Như trình bày tại Thuyết minh số 17 và 18, Công ty đã thế chấp nhà cửa, vật kiến trúc, máy móc, thiết bị và phương tiện vận tải với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 22.645.908 USD (31 tháng 12 năm 2014: 26.170.494 USD) để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, nhà cửa, vật kiến trúc và máy móc, thiết bị tạm thời không sử dụng với giá trị còn lại là 0 USD (31 tháng 12 năm 2014: 3.599.691 USD).

Nguyên giá của TSCĐ bao gồm các TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 1.650.034 USD (ngày 31 tháng 12 năm 2014: 1.759.588 USD).

(*): Giá trị ghi giảm trong năm thể hiện giá trị tài sản tại khu Công viên Hoàng Gia bàn giao cho UBND tỉnh Quảng Ninh như đã trình bày tại Thuyết minh số 8.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ HOÀNG GIAPhường Bãi Cháy, TP. Hạ Long
Tỉnh Quảng Ninh, CHXHCN Việt NamBáo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MÃU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***11. TĂNG/GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Quyền sử dụng đất USD	Phần mềm kế toán USD	Tổng USD
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2015	4.650.000	73.482	4.723.482
Ghi giảm do bàn giao (*)	255.732	-	255.732
Tại ngày 31/12/2015	4.394.268	73.482	4.467.750
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2015	3.070.788	55.308	3.126.096
Khấu hao trong năm	237.883	9.237	247.120
Ghi giảm do bàn giao (*)	162.826	-	162.826
Tại ngày 31/12/2015	3.145.845	64.545	3.210.390
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 31/12/2015	1.248.423	8.937	1.257.360
Tại ngày 31/12/2014	1.579.212	18.174	1.597.386

(*): Giá trị ghi giảm trong năm thể hiện giá trị tài sản tại khu Công viên Hoàng Gia bàn giao cho UBND tỉnh Quảng Ninh như đã trình bày tại Thuyết minh số 8.

Như trình bày tại Thuyết minh số 17 và 18, Công ty đã thế chấp toàn bộ giá trị quyền sử dụng đất để đảm bảo cho các khoản vay tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân.

12. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	Nhà cửa, vật kiến trúc USD
NGUYÊN GIÁ	
Tại ngày 01/01/2015	2.244.878
Ghi giảm do bàn giao (*)	2.244.878
Tại ngày 31/12/2015	-
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ	
Tại ngày 01/01/2015	420.605
Ghi giảm do bàn giao (*)	420.605
Tại ngày 31/12/2015	-
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	
Tại ngày 31/12/2015	-
Tại ngày 31/12/2014	1.824.273

(*): Giá trị ghi giảm trong năm thể hiện giá trị tài sản tại khu Công viên Hoàng Gia bàn giao cho UBND tỉnh Quảng Ninh như đã trình bày tại Thuyết minh số 8.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ HOÀNG GIA

Phường Bãi Cháy, TP. Hạ Long
 Tỉnh Quảng Ninh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

13. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

Biến động trong năm:

	<u>2015</u>	<u>2014</u>
	<u>USD</u>	<u>USD</u>
Tại ngày 01 tháng 01	1.163.591	33.565.598
Tăng trong năm	1.854.491	1.537.088
Kết chuyển sang tài sản cố định	(364.593)	(32.509.652)
Ghi giảm do bàn giao (*)	(862.136)	-
Giảm khác	(207.727)	(1.429.443)
Tại ngày 31 tháng 12	<u>1.583.626</u>	<u>1.163.591</u>

(*): Giá trị ghi giảm trong năm thể hiện giá trị tài sản tại khu Công viên Hoàng Gia bàn giao cho UBND tỉnh Quảng Ninh như đã trình bày tại Thuyết minh số 8.

Chi tiết số dư:

	<u>31/12/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	<u>USD</u>	<u>USD</u>
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang dài hạn		
- Xây dựng cơ bản	1.500.336	1.159.108
- Sửa chữa	77.069	-
- Mua sắm	6.221	4.483
	<u>1.583.626</u>	<u>1.163.591</u>
Chi tiết xây dựng cơ bản		
- Khu nhà đa năng	1.086.060	-
- Khách sạn Hoàng Gia Hạ Long (**)	357.985	287.628
- Khu văn phòng	56.291	9.344
- Khu Công viên	-	862.136

(**): Như trình bày tại Thuyết minh số 17, Công ty đã thế chấp ngân hàng giá trị của công trình xây dựng dở dang này để bảo đảm cho khoản vay tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân.

14. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI

	<u>Dự phòng trợ cấp thôi việc</u>	<u>Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi</u>	<u>Tổng</u>
	<u>USD</u>	<u>USD</u>	<u>USD</u>
Tại ngày 31/12/2014	31.505	911	32.416
Ghi nhận trong năm	(3.279)	100.999	97.720
Tại ngày 31/12/2015	<u>28.226</u>	<u>101.910</u>	<u>130.136</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ HOÀNG GIA

Phường Bãi Cháy, TP. Hạ Long
 Tỉnh Quảng Ninh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

15. PHẢI TRẢ KHÁC

	<u>31/12/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	USD	USD
a) Ngắn hạn		
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	-	2.422.782
- Đại lý Long Bay	-	721.030
- Đại lý Đại Dương Thành	-	1.701.752
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	858.294	490.955
+ Tiền phải trả về đền bù cho hộ dân (*)	359.599	-
+ Chip trôi nổi	190.919	255.247
+ Bảo hành xây dựng	268.627	206.613
+ Đặt cọc thuê điểm	-	6.325
+ Khác	39.149	22.770
Cộng	<u>858.294</u>	<u>2.913.737</u>
b) Dài hạn		
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	2.645.533	-
- Đại lý Đại Dương Thành	1.500.000	-
- Đại lý Long Bay	1.145.533	-
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	3.165	5.560
Cộng	<u>2.648.698</u>	<u>5.560</u>

(*): Thể hiện số dư phải trả tiền đền bù cho tài sản của các hộ kinh doanh do Công ty nhận hộ khi bàn giao khu Công viên Hoàng Gia cho UBND tỉnh Quảng Ninh như đã trình bày tại Thuyết minh số 8.

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ NHÀ NƯỚC

	<u>31/12/2014</u>	<u>Số phải nộp trong năm</u>	<u>Số đã thực nộp trong năm</u>	<u>31/12/2015</u>
	USD	USD	USD	USD
Thuế giá trị gia tăng	543.287	1.000.215	(1.134.077)	409.425
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	5.539	(5.539)	-
Thuế tiêu thụ đặc biệt	580.238	859.072	(1.313.510)	125.800
Thuế nhập khẩu	-	9.576	(9.576)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	9.201	(9.201)	-
Thuế thu nhập cá nhân	11.473	220.217	(203.997)	27.693
Thuế nhà thầu	-	3.477	(3.477)	-
Thuế khác	297.640	32.001	(46.085)	283.556
Cộng	<u>1.432.638</u>	<u>2.139.298</u>	<u>(2.725.462)</u>	<u>846.474</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN

17. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH NGÂN HẠN

	31/12/2014		Trong năm		31/12/2015	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	USD	USD	USD	USD	USD	USD
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân (i)	1.843.177	1.843.177	4.839.274	4.732.366	1.950.085	1.950.085
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hạ Long (ii)	935.296	935.296	2.215.272	1.860.950	1.289.618	1.289.618
Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam - Chi nhánh Quảng Ninh	932.287	932.287	924.000	1.856.287	-	-
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 18)	748.433	748.433	722.707	758.128	713.012	713.012
	4.459.193	4.459.193	8.701.253	9.207.731	3.952.715	3.952.715

(i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân bằng VND với hạn mức tín dụng của hợp đồng này là 60 tỷ VND tương đương 2,67 triệu USD (tỷ giá 22.440 VND/USD) và đáo hạn vào ngày 30 tháng 10 năm 2016. Khoản vay này có lãi suất được điều chỉnh theo thông báo của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân cho từng thời kỳ. Lãi vay được trả hàng tháng. Khoản vay này cùng với khoản vay dài hạn tại Thuyết minh số 18 được thế chấp bằng toàn bộ giá trị quyền sử dụng đất của Công ty.

(ii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hạ Long bằng VND với hạn mức tín dụng của hợp đồng này là 20 tỷ VND tương đương 891,27 nghìn USD (tỷ giá 22.440 VND/USD) và đáo hạn vào ngày 23 tháng 4 năm 2016. Khoản vay này chịu lãi suất 10,5%/năm và được tự động điều chỉnh theo mức lãi suất của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hạ Long cho từng thời kỳ. Lãi vay được trả hàng tháng. Khoản vay này được thế chấp bằng hệ thống máy móc, thiết bị phân phối điện.

18. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	31/12/2014		Trong năm		31/12/2015	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	USD	USD	USD	USD	USD	USD
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân	3.850.579	3.850.579	-	895.246	2.955.333	2.955.333
	3.850.579	3.850.579	-	895.246	2.955.333	2.955.333



CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ HOÀNG GIA

Phường Bãi Cháy, TP. Hạ Long
 Tỉnh Quảng Ninh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MÃ SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

18. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (Tiếp theo)

Tại ngày 18 tháng 12 năm 2008, Công ty ký Hợp đồng vay dài hạn số 01/2008/Sheraton với Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân để xây dựng đầu tư khách sạn Hoàng Gia Hạ Long và Hợp đồng này được gia hạn và sửa đổi vào ngày 08 tháng 01 năm 2013 tại văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng tín dụng số 07/PL. Sheraton; tổng hạn mức cho vay là 170 tỷ VND tương đương 7,58 triệu USD (tỷ giá 22.440 VND/USD). Thời hạn cho vay là 96 tháng kể từ ngày rút vốn đầu tiên là ngày 03 tháng 01 năm 2013 với khoản cho vay bổ sung, thời gian ân hạn là 3 tháng, thời gian trả nợ là 93 tháng. Khoản vay bổ sung được trả trong 31 kỳ 3 tháng, kỳ trả nợ đầu tiên được ấn định sau khi hết thời gian ân hạn. Khoản vay chịu lãi suất được điều chỉnh theo thông báo của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân cho từng thời kỳ và được trả hàng quý. Khoản vay này được đảm bảo bằng toàn bộ giá trị quyền sử dụng đất và tài sản hình thành từ vốn vay này. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty đã rút toàn bộ hạn mức vốn vay với tổng số tiền 170 tỷ VND (31 tháng 12 năm 2014: 170 tỷ VND).

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	<u>31/12/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	USD	USD
Trong vòng một năm	713.012	748.433
Trong năm thứ hai	713.012	748.433
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	2.139.037	2.245.299
Sau năm năm	103.284	856.847
	<u>3.668.345</u>	<u>4.599.012</u>
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày tại Thuyết minh số 17)	(713.012)	(748.433)
Số phải trả sau 12 tháng	<u>2.955.333</u>	<u>3.850.579</u>

19. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	<u>31/12/2015</u>		<u>31/12/2014</u>	
	USD	USD	USD	USD
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty TNHH Xây dựng Diệt Đức Phước Thành	234.575	234.575	585.947	585.947
Doanh nghiệp Tư nhân Hà Việt	179.846	179.846	151.890	151.890
Công ty TNHH Thiết kế và Xây dựng Pacific Links	56.741	56.741	58.874	58.874
Công ty TNHH Phát triển Thương mại Diệp Anh	55.707	55.707	36.212	36.212
Bà Bùi Huệ Chi	23.868	23.868	-	-
Công ty Cổ phần Xây dựng Cao Bang Việt Nam	22.744	22.744	23.874	23.874
Phải trả cho các đối tượng khác	354.005	354.005	514.112	514.112
Cộng	<u>927.486</u>	<u>927.486</u>	<u>1.370.909</u>	<u>1.370.909</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ HOÀNG GIA

Phường Bãi Cháy, TP. Hạ Long
Tỉnh Quảng Ninh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU**Thay đổi trong vốn chủ sở hữu**

	Vốn điều lệ	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	(Lỗ) lũy kế	Tổng
	USD	USD	USD	USD	USD
Tại ngày 01/01/2014	42.309.870	5.027.169	649.326	1.696.456	49.682.821
(Lỗ) trong năm	-	-	-	(7.201.940)	(7.201.940)
Thù lao Ban Kiểm soát	-	-	-	(1.500)	(1.500)
Tại ngày 31/12/2014	42.309.870	5.027.169	649.326	(5.506.984)	42.479.381
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	4.666.884	4.666.884
Thù lao Ban Kiểm soát (i)	-	-	-	(1.500)	(1.500)
Tại ngày 31/12/2015	42.309.870	5.027.169	649.326	(841.600)	47.144.765

(i) Thù lao Ban Kiểm soát được thực hiện theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015 số 280/NQ-ĐHCĐTN ngày 27 tháng 6 năm 2015.

Số cổ phiếu đang lưu hành

	31/12/2015	31/12/2014
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Cổ phiếu được duyệt	70.368.754	70.368.754
Cổ phiếu phổ thông	70.368.754	70.368.754
Cổ phiếu đang lưu hành	70.368.754	70.368.754
Cổ phiếu phổ thông	70.368.754	70.368.754

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành là 10.000 VND/cổ phiếu.

Vốn điều lệ và vốn đầu tư

Theo Giấy chứng nhận đầu tư sửa đổi, vốn đầu tư và vốn điều lệ của Công ty lần lượt là 1.171.473.560.000 VND và 703.687.540.000 VND (tương đương 67.000.000 USD và 42.309.869,89 USD) (31 tháng 12 năm 2014: 1.171.473.560.000 VND và 703.687.540.000 VND). Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ như sau:

Cổ đông	Theo Giấy chứng nhận đầu tư sửa đổi '000 VND	Vốn đã góp tại ngày					
		31/12/2015			31/12/2014		
		USD	'000 VND	Tỷ lệ	USD	'000 VND	Tỷ lệ
			quy đổi			quy đổi	
Ông Nguyễn Chính Nghĩa	47.219.530	2.875.859	47.219.530	7%	2.875.859	47.219.530	7%
Công ty TNHH Đầu tư Quốc tế Khai Tiệp	369.386.320	22.219.546	369.386.320	52%	22.219.546	369.386.320	52%
Các nhà đầu tư khác	287.081.690	17.214.465	287.081.690	41%	17.214.465	287.081.690	41%
Cộng	703.687.540	42.309.870	703.687.540	100%	42.309.870	703.687.540	100%

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ HOÀNG GIA

Phòng Bãi Cháy, TP. Hạ Long
 Tỉnh Quảng Ninh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MÃ SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

21. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH

Công ty đã thực hiện phân cấp quản lý theo hạng mục kinh doanh. Cơ cấu tổ chức của Công ty được chia thành bốn bộ phận với hoạt động chính như sau:

- Câu lạc bộ Quốc tế Hoàng Gia: Kinh doanh trò chơi có thưởng - đây là hoạt động mang tính chất thời vụ, không ổn định. Doanh thu phát sinh phụ thuộc vào số lượng các đoàn khách đến chơi và kết quả chơi của khách
- Khu Biệt thự Hoàng Gia: Cho thuê phòng
- Khu Công viên Hoàng Gia/Ca múa nhạc dân tộc:
 Kinh doanh các dịch vụ vui chơi. Ngày 27 tháng 6 năm 2015, Đại hội Cổ đông Công ty đã nhất trí thông qua việc Bàn giao Công viên Hoàng Gia cho UBND Tỉnh Quảng Ninh. Theo đó, nguồn lực của bộ phận Công viên được cơ cấu lại và chuyển sang thành bộ phận Ca múa nhạc dân tộc, toàn bộ quyền lợi và nghĩa vụ của Công viên được bàn giao cho bộ phận mới này.
- Khách sạn Hoàng Gia Hạ Long: Cho thuê phòng và dịch vụ liên quan.

Các thông tin về hoạt động kinh doanh theo bộ phận của Công ty như sau:

Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

	Công viên/Ca múa		Khách sạn Hoàng	Bù trừ	Tổng cộng	
	Câu lạc bộ	Biệt thự	Gia Hạ Long			
	USD	USD	USD	USD	USD	
Tài sản						
Tài sản bộ phận	11.983.785	7.643.726	15.656.545	32.458.197	(25.336.972)	42.405.281
Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	-	17.712.144
Tổng tài sản hợp nhất						60.117.425
Nợ phải trả						
Nợ phải trả bộ phận	9.866.723	1.428.989	930.793	24.412.380	(25.336.972)	11.301.913
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-	-	1.670.747
Tổng nợ phải trả hợp nhất						12.972.660

Kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

	Công viên/Ca múa		Khách sạn Hoàng	Bù trừ	Tổng cộng	
	Câu lạc bộ	Biệt thự	Gia Hạ Long			
	USD	USD	USD	USD	USD	
Doanh thu thuần	1.493.283	2.447.464	2.338.558	5.971.086	-	12.250.391
Giá vốn bộ phận	(4.068.741)	(887.852)	(340.812)	(4.237.957)	-	(9.535.362)
(Lỗ)/Lợi nhuận gộp	(2.575.458)	1.559.612	1.997.746	1.733.129	-	2.715.029
Chi phí không phân bổ						(4.272.643)
(Lỗ) từ hoạt động kinh doanh						(1.557.614)
Doanh thu hoạt động tài chính						624.131
Lợi nhuận khác						6.397.224
Chi phí tài chính						(885.376)
Lợi nhuận trước thuế						4.578.365
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành						(9.201)
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại						97.720
Lợi nhuận trong năm						4.666.884

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ HOÀNG GIA

Phường Bãi Cháy, TP. Hạ Long
 Tỉnh Quảng Ninh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MÃU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

21. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH (Tiếp theo)**Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014**

	Câu lạc bộ	Biệt thự	Công viên	Khách sạn Hoàng		Tổng cộng
				Gia Hạ Long	Bù trừ	
	USD	USD	USD	USD	USD	USD
Tài sản						
Tài sản bộ phận	11.295.547	9.112.090	10.326.536	34.330.182	(18.575.348)	46.489.007
Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	-	10.677.654
Tổng tài sản hợp nhất						57.166.661
Nợ phải trả						
Nợ phải trả bộ phận	4.945.695	950.179	921.361	25.136.973	(18.575.348)	13.378.860
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-	-	1.308.420
Tổng nợ phải trả hợp nhất						14.687.280

Kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

	Câu lạc bộ	Biệt thự	Công viên	Khách sạn Hoàng		Tổng cộng
				Gia Hạ Long	Bù trừ	
	USD	USD	USD	USD	USD	USD
Doanh thu thuần	3.039.774	1.875.598	2.188.725	3.839.230	-	10.943.327
Giá vốn bộ phận	(3.586.286)	(880.918)	(786.413)	(3.575.332)	-	(8.828.949)
(Lỗ)/Lợi nhuận gộp	(546.512)	994.680	1.402.312	263.898	-	2.114.378
Chi phí không phân bổ						(7.853.838)
(Lỗ) từ hoạt động kinh doanh						(5.739.460)
Doanh thu hoạt động tài chính						246.372
(Lỗ) khác						(496.339)
Chi phí tài chính						(1.173.313)
(Lỗ) trước thuế						(7.162.740)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành						-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại						(39.200)
(Lỗ) trong năm						(7.201.940)

22. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	<u>2015</u>	<u>2014</u>
	USD	USD
Chi phí thực phẩm và đồ uống	652.158	695.579
Chi phí nhân công	5.696.884	6.833.119
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.625.901	2.659.703
Chi phí dịch vụ mua ngoài, chi phí phân bổ và chi phí khác	4.833.062	6.494.386
	<u>13.808.005</u>	<u>16.682.787</u>

23. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	<u>2015</u>	<u>2014</u>
	USD	USD
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	3.819	710
Lãi chênh lệch tỷ giá	513.307	179.232
Doanh thu hoạt động tài chính khác	107.005	66.430
	<u>624.131</u>	<u>246.372</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ HOÀNG GIA

Phường Bãi Cháy, TP. Hạ Long
Tỉnh Quảng Ninh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

24. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<u>2015</u>	<u>2014</u>
	USD	USD
Chi phí lãi vay	774.471	1.144.793
Lỗ chênh lệch tỷ giá	110.905	28.520
	<u>885.376</u>	<u>1.173.313</u>

25. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<u>2015</u>	<u>2014</u>
	USD	USD
Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm		
Chi phí nhân công	618.119	525.841
Chi phí dụng cụ sản xuất	344.461	310.556
Chi phí khấu hao TSCĐ	50.798	47.904
Chi phí dịch vụ mua ngoài	107.701	113.562
Các chi phí bằng tiền khác	205.894	197.088
	<u>1.326.973</u>	<u>1.194.951</u>
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm		
Chi phí nhân công	1.533.282	3.196.575
Chi phí dụng cụ sản xuất	94.520	83.976
Chi phí khấu hao TSCĐ	71.351	1.003.397
Chi phí dịch vụ mua ngoài	225.244	571.779
Các chi phí bằng tiền khác	1.021.273	1.803.160
	<u>2.945.670</u>	<u>6.658.887</u>

26. THU NHẬP KHÁC

	<u>2015</u>	<u>2014</u>
	USD	USD
Tiền thu từ bồi thường tài sản (*)	6.675.080	-
Các khoản thu nhập khác	72.949	96.323
	<u>6.748.029</u>	<u>96.323</u>

(*) Chi tiết:

Tổng tiền được đền bù 5 đợt (xem thêm tại Thuyết minh số 8)	13.979.595
Giá trị còn lại của tài sản đã ghi giảm	(6.380.947)
- Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình (xem thêm tại Thuyết minh số 10)	(3.599.711)
- Giá trị còn lại của tài sản vô hình (xem thêm tại Thuyết minh số 11)	(92.906)
- Giá trị còn lại của bất động sản đầu tư cho thuê (xem thêm tại Thuyết minh số 12)	(1.824.273)
- Giá trị của xây dựng cơ bản dở dang (xem thêm tại Thuyết minh số 13)	(862.136)
- Giá trị của công cụ, dụng cụ	(1.921)
Chi phí thuê kho	(32.723)
Số ước tính phải trả hộ kinh doanh (xem thêm tại Thuyết minh số 8)	(890.845)
Thu nhập từ bồi thường	6.675.080

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ HOÀNG GIA

Phường Bãi Cháy, TP. Hạ Long
Tỉnh Quảng Ninh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MÃU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

27. CHI PHÍ KHÁC

	2015	2014
	USD	USD
Giá trị còn lại của tài sản cố định đã thanh lý	46.886	182.808
Các khoản thuế, phí	118.282	82.135
Các khoản chi phí khác	185.637	327.719
	350.805	592.662

28. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	2015	2014
	USD	USD
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	-	-
các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm	9.201	-
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	9.201	-

	2015	2014
	USD	USD
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		
- Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	(100.999)	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại	3.279	39.200
Tổng (thu nhập)/chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	(97.720)	39.200

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất phổ thông được hướng dẫn tại các quy định hiện hành. Theo đó, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất 22% từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 và thuế suất 20% từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 trên thu nhập chịu thuế. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm chi tiết như sau:

	2015	2014
	USD	USD
Lợi nhuận/(Lỗ) kế toán trước thuế	4.578.365	(7.162.740)
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
<i>Trừ: Thu nhập không chịu thuế</i>	299.872	139.117
<i>Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ</i>	787.496	232.734
<i>Chuyển lỗ</i>	5.065.989	-
Thu nhập chịu thuế năm hiện hành	-	(7.069.123)
<i>Thu nhập chịu thuế suất thông thường 22%</i>	-	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	-	-
Chi phí thuế TNDN nộp thêm từ các năm trước	9.201	-
(Thu nhập)/chi phí thuế thu nhập hoãn lại	(97.720)	39.200

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ HOÀNG GIA

Phường Bãi Cháy, TP. Hạ Long
 Tỉnh Quảng Ninh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

29. LÃI/(LỖ) CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	2015	2014
Lợi nhuận/(Lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp (USD)	4.666.884	(7.201.940)
Lợi nhuận/(Lỗ) phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (USD)	4.666.884	(7.201.940)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (cổ phiếu)	70.368.754	70.368.754
Lãi/(Lỗ) cơ bản trên cổ phiếu (USD)	0,066	(0,102)

30. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**Ngoại tệ các loại:**

	31/12/2015	31/12/2014
AUD	300	-
HKD	13.870	21.250
JPY	30.000	50.000
KRW	610.000	1.465.000
TWD	45.200	185
RMP	67.853	69.039
SGD	100	-
THB	6.000	11.400
VND	3.290.971.442	6.221.360.922

31. CÁC KHOẢN CAM KẾT

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Công ty có các khoản cam kết như sau:

Cam kết đầu tư

Ngày 21 tháng 4 năm 2015, Hội đồng Quản trị đã phê duyệt tăng tổng mức đầu tư cho nhà hàng đa năng lên mức khoảng 200 tỷ VND (tương đương 9,5 triệu USD theo tỷ giá tạm tính 21.000 VND/USD). Nhà đa năng đã được đầu tư từ ngày 10 tháng 4 năm 2015, tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 giá trị đã đầu tư là 1.086.060 USD và tổng giá trị các hợp đồng xây dựng và lắp đặt, mua thiết bị cho Công ty đã ký nhưng chưa thực hiện là 2.173.442 USD.

Cam kết cho thuê hoạt động

Ngày 01 tháng 7 năm 2015, Công ty đã ký Hợp đồng số 1668/HĐ HTKD với Công ty Liên doanh TNHH Tập đoàn Quốc tế Salon ("Salon"), theo đó Salon sẽ thuê nhà hàng đa năng để kinh doanh trong thời hạn là 10 năm kể từ ngày bắt đầu kinh doanh. Tuy nhiên, ngày 26 tháng 01 năm 2016, Công ty cùng với Salon và Công ty TNHH Quốc tế Diệu Doanh ("Diệu Doanh") đã ký hợp đồng ba bên, trong đó, Salon đồng ý chuyển nhượng toàn bộ quyền và nghĩa vụ của hợp đồng nêu trên cho Diệu Doanh. Cùng ngày, Công ty đã ký Hợp đồng số 20160126 với Diệu Doanh. Theo đó, Diệu Doanh sẽ thuê nhà hàng đa năng để kinh doanh trong thời hạn là 10 năm từ ngày 01 tháng 3 năm 2016 đến 28 tháng 02 năm 2026. Tiền thuê được thanh toán trước ngày 10 hàng tháng.

Ngày 28 tháng 6 năm 2015, Công ty đã ký Hợp đồng số 01072015/HĐTN-HG với Salon, theo đó Salon thuê bao 190 phòng nghỉ/ngày (gồm 110 phòng nghỉ khách sạn và 80 phòng nghỉ biệt thự). Thời hạn thuê từ ngày 01 tháng 7 năm 2015 đến hết ngày 30 tháng 6 năm 2016. Tuy nhiên, ngày 17 tháng 10 năm 2015, hai bên đã ký Biên bản thanh lý hợp đồng số 17102015/TLHĐ để chấm dứt Hợp đồng nêu trên.

Cam kết mua sắm xây dựng tài sản cố định

Tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2015, tổng giá trị các hợp đồng xây dựng và lắp đặt, mua thiết bị cho Công ty (không bao gồm giá trị hợp đồng liên quan đến nhà hàng đa năng) đã ký nhưng chưa thực hiện là 1.135.736 USD (31 tháng 12 năm 2014: 52.022 USD).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

31. CÁC KHOẢN CAM KẾT (Tiếp theo)

Cam kết trả tiền thuê đất

Theo Giấy phép đầu tư số 953 CPH/GP ngày 15 tháng 6 năm 2005 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Công ty có nghĩa vụ nộp tiền thuê đất cho Nhà nước Việt Nam từ tháng thứ 8 của năm thứ 27 kể từ ngày cấp Giấy phép đầu tư lần đầu vào ngày 13 tháng 8 năm 1994. Giá tiền thuê được xác định theo thời giá tại thời điểm thực hiện thuê.

32. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 17 và 18, trừ đi tiền) và phần vốn của các cổ đông (bao gồm vốn góp của các cổ đông, các quỹ dự trữ trừ lỗ lũy kế).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	<u>31/12/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	USD	USD
Các khoản vay và nợ thuê tài chính	6.908.048	8.309.772
Trừ: Tiền	1.745.303	1.180.218
Nợ thuần	5.162.745	7.129.554
Vốn chủ sở hữu	<u>47.144.765</u>	<u>42.479.381</u>
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	11%	17%

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	<u>31/12/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	USD	USD
Tài sản tài chính		
Tiền	1.745.303	1.180.218
Phải thu khách hàng và phải thu khác	10.890.771	443.748
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	419.411	419.411
Tổng cộng	13.055.485	2.043.377
Công nợ thuê tài chính		
Các khoản vay và nợ thuê tài chính	6.908.048	8.309.772
Phải trả người bán và phải trả khác	4.437.013	4.291.332
Chi phí phải trả	19.688	24.284
Tổng cộng	11.364.749	12.625.388

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***32. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****Các loại công cụ tài chính (Tiếp theo)**

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn trong đường cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này sau khi Ban Giám đốc đánh giá chi phí để thực hiện phòng ngừa rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất hay rủi ro về giá có thể cao hơn chi phí phát sinh từ rủi ro thị trường khi có sự thay đổi về tỷ giá, lãi suất và giá của các công cụ tài chính này trong tương lai.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	Tài sản		Công nợ	
	31/12/2015	31/12/2014	31/12/2015	31/12/2014
	USD	USD	USD	USD
Đồng Việt Nam (VND)	11.089.542	624.348	8.242.161	12.349.557

Phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ

Công ty chủ yếu chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá của Đồng Việt Nam.

Phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ của Công ty được xác định trong trường hợp tỷ giá đồng Đô la Mỹ thay đổi 10% so với Đồng Việt Nam. Tỷ lệ thay đổi 10% được Ban Giám đốc sử dụng khi phân tích rủi ro tỷ giá và thể hiện đánh giá của Ban Giám đốc về mức thay đổi có thể có của tỷ giá. Phân tích độ nhạy với ngoại tệ chỉ áp dụng cho các số dư của các khoản mục tiền tệ bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối năm và điều chỉnh việc đánh giá lại các khoản mục này khi có 10% thay đổi của tỷ giá. Nếu tỷ giá Đồng Việt Nam so với đồng Đô la Mỹ giảm 10% thì lợi nhuận trước thuế trong năm của Công ty sẽ tăng 284.738 USD (2014: lỗ trước thuế giảm 1.172.521 USD).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MÃ SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***32. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)*****Rủi ro thị trường (Tiếp theo)******Quản lý rủi ro lãi suất***

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

	Tăng/(giảm) số điểm cơ bản	Ảnh hưởng đến lợi nhuận/(lỗ) trước thuế
		USD
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015		
USD	+200	(138.161)
USD	-200	138.161
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014		
USD	+200	(166.195)
USD	-200	166.195

Quản lý rủi ro về giá

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh, xây dựng cơ bản. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Công ty có khoản rủi ro tín dụng tập trung khá lớn từ khoản phải thu khách chơi tại Câu lạc bộ Quốc tế Hoàng Gia. Rủi ro tín dụng tối đa được thể hiện là giá trị ghi sổ của số dư phải thu khách chơi tại Câu lạc bộ Quốc tế Hoàng Gia như trình bày tại Thuyết minh số 4.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trợ giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt và tiền gửi ngân hàng, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ HOÀNG GIA

Phường Bãi Cháy, TP. Hạ Long
Tỉnh Quảng Ninh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

32. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)*Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)*

31/12/2015	Dưới 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
	USD	USD	USD
Tiền	1.745.303	-	1.745.303
Phải thu khách hàng và phải thu khác	10.890.771	-	10.890.771
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	-	419.411	419.411
Tổng cộng	12.636.074	419.411	13.055.485
31/12/2015	Dưới 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
	USD	USD	USD
Phải trả người bán và phải trả khác	1.788.315	2.648.698	4.437.013
Chi phí phải trả	19.688	-	19.688
Các khoản vay và nợ thuê tài chính	3.952.715	2.955.333	6.908.048
Tổng cộng	5.760.718	5.604.031	11.364.749
Chênh lệch thanh khoản thuần	6.875.356	(5.184.620)	1.690.736
31/12/2014	Dưới 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
	USD	USD	USD
Tiền	1.180.218	-	1.180.218
Phải thu khách hàng và phải thu khác	443.748	-	443.748
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	-	419.411	419.411
Tổng cộng	1.623.966	419.411	2.043.377
31/12/2014	Dưới 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
	USD	USD	USD
Phải trả người bán và phải trả khác	4.285.772	5.560	4.291.332
Chi phí phải trả	24.284	-	24.284
Các khoản vay và nợ thuê tài chính	4.459.193	3.850.579	8.309.772
Tổng cộng	8.769.249	3.856.139	12.625.388
Chênh lệch thanh khoản thuần	(7.145.283)	(3.436.728)	(10.582.011)

Ban Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức trung bình. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn. Ban Giám đốc tin tưởng rằng báo cáo tài chính cần được lập trên cơ sở hoạt động liên tục do Công ty vẫn nhận được cam kết tiếp tục giải ngân từ các ngân hàng thương mại.

33. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN*Danh sách các bên liên quan:***Bên liên quan**

Công ty TNHH Đầu tư Quốc tế Khải Tiệp
Bà Nguyễn Tiêu Mai

Mối quan hệ

Công ty mẹ
Ủy viên Hội đồng Quản trị

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ HOÀNG GIA

Phường Bãi Cháy, TP. Hạ Long
 Tỉnh Quảng Ninh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

33. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	<u>2015</u>	<u>2014</u>
	USD	USD
Cung cấp dịch vụ ăn nghỉ cho Công ty TNHH Đầu tư Quốc tế Khai Tiệp	3.803	3.416
Cung cấp dịch vụ ăn nghỉ cho Bà Nguyễn Tiểu Mai	166	8.269

Thu nhập của Ban Giám đốc được hưởng trong năm như sau:

	<u>2015</u>	<u>2014</u>
	USD	USD
Thu nhập của Ban Giám đốc	70.821	76.169

Số dư chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	<u>31/12/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	USD	USD
Các khoản phải trả khác		
Công ty TNHH Đầu tư Quốc tế Khai Tiệp	10.429	14.232

34. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Tiền thu từ bồi thường, thanh lý tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác bao gồm 5,4 triệu USD, tương đương 119,52 tỷ VND thể hiện số tiền bồi thường đợt 1, 2, 4 và 5 đã nhận trong năm cho các tài sản bàn giao cho UBND tỉnh Quảng Ninh như đã trình bày tại Thuyết minh số 8, giá trị này không bao gồm số tiền 890,85 nghìn USD, tương đương 19,69 tỷ VND tiền đền bù nhận hộ cho các hộ kinh doanh đang hạch toán trên các khoản phải trả khác. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải thu và phải trả tương ứng.

Tiền chi mua tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong năm không bao gồm số tiền 638.337 USD (2014: 1.171.382 USD) là số tiền dùng để mua thêm tài sản cố định phát sinh trong năm mà chưa được thanh toán và đã bao gồm số tiền 538.373 USD (2014: 242.187 USD) trả trước cho nhà cung cấp để mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải trả, các khoản phải thu tương ứng.

35. SỐ LIỆU SO SÁNH

Như trình bày tại Thuyết minh số 3, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015, Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 ("Thông tư 200"), hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Theo đó, một số số liệu của Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được phân loại lại để phù hợp với việc so sánh được với số liệu tương ứng của năm hiện tại do ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư 200 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính, cụ thể như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ HOÀNG GIA

Phường Bãi Cháy, TP. Hạ Long

Tỉnh Quảng Ninh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***MẪU SỐ B 09-DN****35. SỐ LIỆU SO SÁNH (Tiếp theo)**

Tên chỉ tiêu	Theo QĐ 15/2006/QĐ-BTC		Theo TT 200/2014/TT-BTC		Chênh lệch	Thay đổi	Đơn vị: USD
	Mã số	31/12/2014	Mã số	31/12/2014			
Bảng cân đối kế toán							
I. Tài sản							
1. Phải thu khách hàng	131	437.942	131	437.942	-	Đổi tên	
2. Trả trước cho người bán	132	246.564	132	246.564	-	Đổi tên	
3. Các khoản phải thu khác	135	8.216	136	9.951	1.735	Trình bày lại, đổi mã số và đổi tên	
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	(4.145)	137	(4.145)	-	Đổi mã số	
5. Hàng tồn kho	140	1.098.577	140	802.965	(295.612)	Trình bày lại	
6. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	802.379	151	11.051	(791.328)	Trình bày lại	
7. Tài sản ngắn hạn khác	158	1.735	155	-	(1.735)	Trình bày lại, đổi mã số	
8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	1.163.591	242	1.163.591	-	Đổi mã số	
9. Đầu tư dài hạn khác	258	419.411	253	419.411	-	Đổi tên và mã số	
10. Chi phí trả trước dài hạn	261	436.133	261	1.227.461	791.328	Trình bày lại	
Không có chỉ tiêu tương ứng	-	-	263	295.612	295.612	Trình bày lại và đổi tên	
II. Nguồn vốn							
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	4.459.193	320	4.459.193	-	Đổi tên và mã số	
2. Phải trả người bán	312	1.370.909	311	1.370.909	-	Đổi tên và mã số	
3. Người mua trả tiền trước	313	9.281	312	9.281	-	Đổi tên và mã số	
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	1.432.638	313	1.432.638	-	Đổi mã số	
5. Phải trả người lao động	315	477.896	314	477.896	-	Đổi mã số	
6. Chi phí phải trả	316	24.284	315	24.284	-	Đổi tên và mã số	
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	2.913.737	319	2.913.737	-	Đổi tên	
8. Phải trả dài hạn khác	333	5.560	337	5.560	-	Đổi mã số	
9. Vay và nợ dài hạn	334	3.850.579	338	3.850.579	-	Đổi tên và mã số	
10. Dự phòng trợ cấp thôi việc	336	143.203	342	143.203	-	Đổi tên và mã số	
11. Quỹ dự phòng tài chính	418	649.326	418	649.326	-	Đổi tên	
12. (Lỗ) lũy kế	420	(5.506.984)	421	(5.506.984)	-	Đổi mã số	



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN

35. SỐ LIỆU SO SÁNH (Tiếp theo)

Đơn vị: USD

Tên chỉ tiêu	Theo QĐ 15/2006/QĐ-BTC		Theo TT 200/2014/TT-BTC		Chênh lệch	Thay đổi
	Mã số	2014	Mã số	2014		
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh						
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	11.928.179	01	10.968.283	(959.896)	Trình bày lại
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	984.852	02	24.956	(959.896)	Trình bày lại
3. Chi phí bán hàng	24	1.194.951	25	1.194.951	-	Đổi mã số
4. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	6.658.887	26	6.658.887	-	Đổi mã số
5. Thu nhập khác	31	273.526	31	96.323	(177.203)	Trình bày lại
6. Chi phí khác	32	769.865	32	592.662	(177.203)	Trình bày lại



Cao Thị Huyền
 Người lập biểu

Ngày 28 tháng 3 năm 2016



Nguyễn Linh Chi
 Kế toán trưởng

